

Bản án số: 527/2020/HS-PT

Ngày: 10 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 175/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Võ Thị Kim A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2020/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Kim A; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1964; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Đ, Phường X1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: H, Phường X17, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Võ Đức T và bà Nguyễn Thị R; Có chồng và 02 con, sinh năm: 1990 và 1995; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đ (D) được thành lập ngày 06/4/1992 theo Giấy phép thành lập số 135/GP-UB của UBND TP. Hồ Chí Minh, đến nay đã 39 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có Hội sở chính tại số 130 P, phường X3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn từ 1998 đến 2015, Trần Phương B làm Tổng Giám đốc. Từ năm 2006 -

2015, Trần Phương B đã chỉ đạo Nguyễn Thị Kim X – Phó Tổng Giám đốc và các đối tượng ở bộ phận ngân quỹ D Hội sở thực hiện nhiều hành vi phạm tội, như: Hành vi Trần Phương B, Nguyễn Thị Kim X lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt của D 1.160.582.877.084 đồng trong việc Trần Phương B mua 74.279.056 cổ phần D từ năm 2007 đến năm 2014; hành vi của Trần Phương B, Phan Văn Anh V lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt 203.195.616.438 đồng và Trần Phương B chiếm đoạt 294.636.844.000 đồng; hành vi Trần Phương B, Nguyễn Thị Kim X, Phạm Văn Phước lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt của D 398.881.560.701 đồng; hành vi Trần Phương B và đồng phạm cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây thiệt hại 1.551.419.039.173 đồng (các hành vi này đã được điều tra, truy tố, xét xử ở giai đoạn I của vụ án xảy ra tại D). Lợi dụng sơ hở trong việc Võ Thị Kim A không kiểm kê, kiểm soát kho quỹ của Ngân hàng theo đúng quy định, Trần Phương B và các đồng phạm đã gây hậu quả thiệt hại cho D số tiền 3.608.715.937.396 đồng.

Võ Thị Kim A được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán D Hội sở ngày 01/10/1999. Với vai trò Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng D Hội sở, phải thực hiện đúng các quy định tại Điều 55, Luật Kế toán ngày 20/11/2015 quy định về Trách nhiệm và quyền của Kế toán trưởng. Điều 13, điều 61 Quyết định số 269/2002/QĐ-NHNN ngày 01/4/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; quy định về hoạt động thu chi tiền mặt và quản lý kho quỹ của D mã số QT-EAB-38 ban hành ngày 25/11/2002, 22/02/2007, 01/4/2012, 17/7/2014. Cụ thể: Võ Thị Kim A có *“trách nhiệm quản lý, giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền và có nhiệm vụ: Tổ chức hạch toán tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo chế độ kế toán - thống kê; hướng dẫn, kiểm tra việc mở và ghi chép sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền; quản lý và giữ chìa khóa một ổ khóa lớp cánh ngoài cửa kho tiền, trực tiếp mở, khóa cửa kho tiền để giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền; kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ sách kế toán và sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền đảm bảo sự khớp đúng; trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo sự khớp đúng giữa tồn quỹ thực tế với sổ sách kế toán và sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền; ký xác nhận tồn quỹ thực tế trên sổ quỹ, sổ theo dõi từng loại tài sản, sổ kiểm kê, thẻ kho. Mặc khác, theo quy định về hoạt động thu chi tiền mặt và quản lý kho quỹ của nội bộ D trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015 thì với vai trò của mình, Võ Thị Kim A là một trong bốn thành viên của D Hội sở chịu trách nhiệm quản lý kho quỹ ngân hàng, với các nhiệm vụ: “Tham gia vào công tác kiểm kê kho quỹ hàng ngày; tổ chức hạch toán tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo chế độ kế toán thống kê; quản lý và giữ chìa khóa một ổ khóa lớp cánh ngoài cửa kho tiền, trực tiếp mở, khóa cửa kho tiền để giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền; kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và sổ quỹ đảm bảo sự khớp đúng; trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo sự khớp đúng giữa tồn quỹ thực tế với sổ kế toán và sổ quỹ, ký xác nhận tồn quỹ thực tế trên sổ*

quỹ, sổ theo dõi từng loại tài sản, sổ kiểm kê, thẻ kho; hướng dẫn, kiểm tra việc mở và ghi chép sổ sách của thủ quỹ”.

Quá trình điều tra về công tác kiểm quỹ tại D, Cơ quan điều tra đã thu thập được 309 Biên bản kiểm kê kho quỹ D Hội sở giai đoạn từ 2010 – 2015. Trong đó, có 14 biên bản kiểm quỹ (gồm 09 biên bản kiểm kê ngân quỹ hàng ngày, 05 biên bản kiểm kê định kỳ giữa năm và cuối năm) thể hiện Võ Thị Kim A đã tham gia kiểm quỹ cùng Đỗ Thanh Hùng (thủ quỹ) và Nguyễn Đức V1 (Lãnh đạo Phòng ngân quỹ D Hội sở), trong đó còn 295 Biên bản kiểm quỹ thể hiện Võ Thị Kim A không tham gia kiểm quỹ cùng bộ phận ngân quỹ theo quy định. Nội dung 295 Biên bản kiểm quỹ này đều thể hiện kho quỹ cân đối giữa thực tế và sổ sách, không có chênh lệch tài sản (tiền, vàng vật chất) trong kho quỹ. Thực tế, ngày 30/6/2015 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra kho quỹ D Hội sở thì tình trạng âm quỹ, chênh lệch giữa sổ sách và thực tế lên đến hơn 62.654 lượng vàng SJC và số tiền 2.505 tỷ đồng.

Kết quả điều tra vụ án có đủ căn cứ xác định các tài liệu là những Biên bản kiểm kê ngân quỹ có sự tham gia của Võ Thị Kim A hoặc không có sự tham gia của Võ Thị Kim A nêu trên, đã không phản ánh trung thực tình trạng quỹ D Hội sở đã bị thiếu hụt tại thời điểm kiểm kê. Tình trạng chênh lệch kho quỹ tại D Hội sở đã diễn ra thường xuyên, liên tục trong thời gian dài nhưng Võ Thị Kim A với trách nhiệm như nêu trên đã không thực hiện và thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, dẫn đến sơ hở, thiếu sót để Trần Phương B và các đối tượng ở D có điều kiện thực hiện các hành vi phạm tội gây thiệt hại tài sản của Ngân hàng TMCP Đ là 3.608.715.937.396 đồng, đã được kết luận điều tra, truy tố, xét xử tại giai đoạn I của vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Võ Thị Kim A khai nhận: Được bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán từ năm 1999; nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ của D. Theo quy định thì Kim A phải có trách nhiệm quản lý, giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền D Hội sở. Khi kiểm kê kho quỹ theo quy định, Võ Thị Kim A biết kho quỹ của D thường xuyên, liên tục bị âm quỹ từ khoảng năm 2006, tuy nhiên do tin tưởng vào cách giải thích về nguyên nhân âm quỹ của Trần Phương B - Tổng Giám đốc và Nguyễn Đức V1 - Giám đốc Phòng Ngân quỹ, nên Kim A đã không báo cáo tình trạng âm quỹ cho cấp trên và cơ quan chức năng biết, đồng thời lấy lý do công việc nhiều nên đã không thực hiện việc kiểm kê kho quỹ hàng ngày theo đúng quy định. Đến năm 2010, khi tham gia kiểm quỹ tại D Hội sở, phát hiện bị âm quỹ, Kim A có phản ánh cho Trần Phương B biết, Trần Phương B đề nghị Kim A không tham gia kiểm quỹ cuối ngày nữa mà chỉ kiểm kê quỹ vào giữa năm và cuối năm để phục vụ kiểm toán. Do vậy, trong các Biên bản kiểm kê ngân quỹ tại Ngân hàng Đ mà Cơ quan điều tra thu giữ không có sự tham gia và ký xác nhận của Kim A. Đối với các biên bản kiểm quỹ có chữ ký của Võ Thị Kim A, bị can khai chỉ ký xác nhận số liệu tồn quỹ theo sổ sách kế toán và chứng từ mà không trực tiếp tham gia kiểm đếm tiền, vàng trong kho quỹ. Kim A thừa nhận bản thân đã thiếu trách nhiệm trong công tác nên đã không thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được

giao, không báo cáo cấp trên khi phát hiện âm quỹ, không tham gia kiểm quỹ cuối ngày theo quy định, không quản lý và giữ chìa khóa kho quỹ, dẫn đến sơ hở, thiếu sót để Trần Phương B và đồng phạm lợi dụng gây thất thoát số tiền 3.608.715.937.396 đồng của ngân hàng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 85/2020/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Võ Thị Kim A 05 (Năm) năm tù** về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2020 bị cáo Võ Thị Kim A kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Kim A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo không có hưởng lợi, khi kiểm tra phát hiện ra ngân hàng bị âm quỹ thì bị cáo được giải trình là do lỗi hệ thống. Trong phạm vi quyền hạn quản lý bị cáo chỉ kiểm tra được quỹ của Hội sở, đến khi Ngân hàng Nhà nước kiểm tra toàn hệ thống thì mới biết là do thất thoát. Bản thân bị cáo đang bị bệnh, phải kiểm tra sức khỏe định kỳ. Bị cáo nộp kèm các tài liệu chứng cứ chứng minh lời trình bày.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

- Về nội dung: Hành vi của bị cáo gây hậu quả rất nghiêm trọng, bản án sơ thẩm đã xét xử là thỏa đáng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Võ Thị Kim A trình bày: Bị cáo xin nhận lỗi, xin xem xét hoàn cảnh gia đình và tình trạng sức khỏe của bị cáo. Bị cáo không biết bản chất vấn đề lớn lao như vậy, bị cáo không có hưởng lợi chỉ sai sót trong công việc. Hoàn cảnh bị cáo đã lớn tuổi, gia đình neo đơn, bản thân bị cáo có bệnh cần theo dõi tái khám định kỳ, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thị Kim A trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Bị cáo Võ Thị Kim A được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Hội sở ngày 01/10/1999. Với vai trò Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng của ngân hàng, bị cáo phải quản lý và giữ chìa khoá một ổ khoá lớp cánh ngoài cửa kho tiền, trực tiếp mở, khoá cửa kho tiền để giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền; kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ sách kế toán và sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền đảm bảo sự khớp đúng; trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo sự khớp đúng giữa tồn quỹ thực tế với sổ sách kế toán và sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền; ký xác nhận tồn quỹ thực tế trên sổ quỹ, sổ theo dõi từng loại tài sản, sổ kiểm kê, thẻ kho.

Tuy nhiên, trong quá trình công tác bị cáo đã không thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được giao, không báo cáo cấp trên và các cấp có thẩm quyền khi phát hiện âm quỹ, không tham gia kiểm quỹ cuối ngày theo quy định, không quản lý và giữ chìa khoá kho quỹ, những hành vi đó đã vi phạm Quyết định số 269/2002/QĐ-NHNN ngày 01/4/2002; Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006, Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quy định hoạt động thu chi tiền mặt và quản lý kho quỹ do D ban hành ngày 25/11/2002, 22/01/2007, 01/4/2012 và 17/7/2014 tạo điều kiện để Trần Phương B (Tổng giám đốc ngân hàng Đ) và đồng phạm lợi dụng gây thất thoát số tiền 3.608.715.937.396 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (các hành vi này đã được điều tra, truy tố, xét xử ở giai đoạn I của vụ án xảy ra tại D).

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Thị Kim A phạm tội: “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Thị Kim A:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, tạo điều kiện để Trần Phương B và đồng phạm chiếm đoạt tiền, gây thất thoát cho ngân hàng.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hoàn toàn bị lệ thuộc vào sự chỉ đạo của cấp trên là ông Trần Phương B, bản thân không vụ lợi, không được thụ hưởng lợi ích vật chất. Trong suốt quá trình làm việc, khi phát hiện âm quỹ bị cáo đã chủ động báo cáo cho Tổng giám đốc

Trần Phương B biết, nhưng ông Bình không xử lý mà còn yêu cầu bị cáo thôi làm nhiệm vụ kiểm quỹ hàng ngày tại ngân hàng Đ, thể hiện vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo có phần hạn chế. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, từ khi phạm tội đến nay, bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình công tác có nhiều bằng khen, giấy khen của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gia đình bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng, có bác ruột được Chủ tịch nước tặng bằng khen Huân chương Kháng chiến Hạng 3, bác chồng được Chủ tịch nước tặng bằng khen Huân chương Độc lập Hạng 3. Tại cấp sơ thẩm, đại diện của đơn vị bị thiệt hại là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhận lỗi khi không thực hiện hết trách nhiệm gây thiệt hại cho ngân hàng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với các lý do hoàn cảnh gia đình neo đơn, bản thân bị cáo đang bị bệnh cần phải theo dõi định kỳ. Xét thấy, bị cáo phạm tội trong điều kiện hoàn cảnh bị lệ thuộc, với vai trò hạn chế, không hưởng lợi. Hành vi của bị cáo không phải là hành vi chính gây ra thiệt hại cho ngân hàng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Theo các tài liệu mà bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử thể hiện việc bị cáo đang bị bệnh và cần phải theo dõi điều trị là có thật. Do vậy, để thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Kim A.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thị Kim A; Sửa một phần bản án Hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Kim A phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Võ Thị Kim A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- BCTN (1);
- Lưu (10) 18b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

